

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH TUYÊN QUANG
Bản án số: **34/2022/HS-ST**
Ngày 26/4/2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vương Minh Tân

2. Bà Lê Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Bê Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 25 và ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2022/TLST-HS, ngày 28/01/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/QĐXX-HS ngày 25/02/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Quang H**, sinh ngày 02/7/1993. Giới tính: Nam;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 15, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và con bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; Vợ: Nguyễn Thị Hương G, sinh năm 1993; Có 02 con, cùng sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

- Ngày 27/02/2012, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” (Bản án số 15/2012/HSST);

- Ngày 28/8/2013, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, xử phạt 01 năm tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” (Bản án số 70/2013/HSST);

- Ngày 23/9/2013 Tòa án nhân dân Huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, tổng hợp hình phạt của Bản án số 70

ngày 28/8/2013, bị cáo phải chấp hành hình phạt 02 năm 03 tháng tù (Bản án số 74/2013/HSST);

- Ngày 28/01/2020, Công an phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Gây mất trật tự ở trụ sở Cơ quan UBND phường A*”, phạt tiền 200.000 đồng (Quyết định số 495).

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Anh **Nguyễn Trần N**, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ dân phố 03, phường Minh X, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ dân phố 06, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (hiện đang bị tạm giam trong vụ án khác). Có mặt

- Anh **Chu Quang C**, sinh năm 1991; Địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường Minh X, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Bà **Trần Ánh T**, sinh năm 1967; Địa chỉ: Xóm 08, xã T, Hện Y, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ năm 2019 đến năm 2021, tại nhà Nguyễn Quang H, trú tại: Tổ dân phố 15, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, Nguyễn Quang H đã nhiều lần cho người khác vay tiền, thu lãi nặng trong giao dịch dân sự, cụ thể:

* Nguyễn Quang H cho anh Nguyễn Trần N, trú tại: Tổ dân phố 03, phường Minh X, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vay 02 lần:

Lần 1: Ngày 19/11/2019, H cho anh N vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, có viết giấy vay tiền.

Sau khi vay tiền, anh N 07 lần trả tiền lãi cho H, cụ thể: Vào các ngày 19 hàng tháng, từ tháng 12 năm 2019 đến tháng 6 năm 2020 anh N trả tiền lãi cho H mỗi tháng 900.000 đồng. Như vậy H cho anh N vay số tiền gốc là 10.000.000 đồng, từ ngày 19/11/2019 đến ngày 19/6/2020 anh N trả cho H tổng số tiền lãi là 6.300.000 đồng (*H thu tiền lãi 210 ngày, tương đương lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,475 lần lãi suất theo quy định*), trong đó số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự là 1.150.685 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 5.149.315 đồng. Toàn bộ số tiền lãi 6.300.000 đồng H chi tiêu cá nhân hết. Đối với 10.000.000 đồng gốc, anh N đã trả H.

Lần 2: Ngày 24/9/2020, H cho anh N vay số tiền 6.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Sau khi vay tiền, anh N 13 lần trả tiền lãi cho

H, cụ thể: Vào các ngày 24 hàng tháng từ tháng 10 năm 2020 đến tháng 10 năm 2021, anh N trả tiền lãi cho H mỗi tháng 900.000 đồng. Như vậy H cho N vay số tiền 6.000.000 đồng từ ngày 24/9/2020 đến ngày 24/10/2021 N trả cho H tổng số tiền lãi là 11.700.000 đồng (*H thu tiền lãi của 390 ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định*), trong số đó tiền lãi hợp pháp tính theo lãi suất cao nhất của Bộ luật dân sự là 1.282.192 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 10.417.808 đồng. Toàn bộ lãi 11.700.000 đồng H chi tiêu cá nhân hết. Đối với 6.000.000 đồng tiền gốc, Ngọc đã trả hết cho H.

* Nguyễn Quang H cho bà Nguyễn Thị H, HKTT: Xóm Bình Sơn, xã B, Hện Đ, tỉnh Thái Nguyên, tạm trú: Tổ dân phố 6, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vay 01 lần: Ngày 13/2/2020 H cho bà H vay số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất 3.333 đồng/1 triệu/01 ngày, có viết giấy vay tiền.

Sau khi viết giấy vay tiền, bà H 14 lần trả tiền lãi cho H, cụ thể: Ngày 13/3/2020 trả 3.750.000 đồng, ngày 18/5/2020 trả 3.750.000 đôn, ngày 15/6/2020 trả 4.000.000 đồng, ngày 16/9/2020 trả 5.000.000 đồng, ngày 21/9/2020 trả 5.000.000 đồng, ngày 16/10/2020 trả 4.000.000 đồng, ngày 16.11.2020 trả 4.000.000 đồng, ngày 17/12/2020 trả 4.000.000 đồng, ngày 26/01/2021 trả 3.000.000 đồng, ngày 11/02/2021 trả 1.000.000 đồng, ngày 23/02/2021 trả 4.000.000 đồng, ngày 22/3/2021 trả 4.000.0000 đồng, ngày 24/4/2021 trả 4.000.000 đồng, ngày 26/5/2021 (tính lãi đến ngày 13/6/2021) trả 4.000.000 đồng.

Như vậy H cho bà H vay tổng số tiền gốc là 40.000.000 đồng từ ngày 13/02/2020 đến ngày 13/6/2021 bà H trả cho H tổng số tiền lãi là 53.500.000 đồng, trong đó có 01 tháng H không thu tiền lãi do bà H không có tiền trả lãi (*H thu tiền lãi của 420 ngày, tương đương với lãi suất 120%/năm, gấp 6 lần lãi suất theo quy định*), trong đó có số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự là 9.205.479 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 44.294.521 đồng. Đến ngày 26/10/2021 Cơ quan điều tra phát hiện; số tiền lãi từ ngày 13/6/2021 đến ngày 26/10/2021 theo thỏa thuận bà H phải trả cho H là 17.731.560 đồng (tiền lãi của 133 ngày, *tương đương lãi suất 120%/năm, gấp 06 lần lãi suất theo quy định*, trong đó số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự là 2.914.830 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 14.816.730 đồng) bà H chưa trả cho H. Toàn bộ số tiền lãi 53.500.000 đồng H đã chi tiêu cá nhân hết. Đối với gốc 40.000.000 đồng bà H chưa trả H.

* Nguyễn Quang H cho bà Trần Ánh T, trú tại xóm 8, xã T, Hện Y, tỉnh Tuyên Quang vay 01 lần: Ngày 03/3/2021, H cho bà T vay số tiền 10.000.000 đồng, không viết giấy vay tiền, chỉ thỏa thuận với lãi suất 5.000.000 đồng/1 triệu/01 ngày.

Sau khi vay tiền, bà T 15 lần trả lãi cho H (30 ngày đầu tiên H không thu tiền lãi, những ngày tiếp theo cứ 10 ngày bà T trả lãi một lần với số tiền là

500.000 đồng từ ngày 03/4/2021 đến ngày 23/9/2021). Như vậy H cho bà T vay số tiền gốc là 10.000.000 đồng từ ngày 03/3/2021 bắt đầu tính lãi từ ngày 03/4/2021 đến ngày 23/9/2021 bà T trả cho H tổng số tiền lãi là 7.500.000 đồng (*H thu tiền lãi của 150 ngày, tương đương lãi suất 182,5%, gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định*), trong đó số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự là 821.918 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 6.678.082 đồng. Đến ngày 26/10/2021 Cơ quan điều tra phát hiện; số tiền lãi từ ngày 04/9/2021 đến ngày 26/10/2021 theo thỏa thuận bà T phải trả cho H là 2.600.000 đồng (tiền lãi của 52 ngày, *tương đương lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định*, trong đó số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự là 284.910 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.351.090 đồng) bà T chưa trả cho H. Toàn bộ số tiền lãi 7.500.000 đồng H đã chi tiêu cá nhân hết. Đối với gốc 10.000.000 đồng bà T chưa trả H.

* Nguyễn Quang H cho anh Chu Văn Châu, trú tại tổ dân phố 10, phường Minh X, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vay 02 lần:

Lần 1: Ngày 08/3/2021, H cho anh C vay số tiền 60.000.000 đồng, không viết giấy vay tiền, chỉ thỏa thuận với lãi suất 3.333 đồng/01 triệu/ ngày.

Sau khi vay tiền, anh C 08 lần trả lãi cho H, cụ thể: Ngày 08/4/2021 trả 6.000.000 đồng, ngày 14/5/2021 trả 6.000.000 đồng, ngày 11/6/2021 trả 5.400.000 đồng, ngày 12/6/2021 trả 6.000.000 đồng, ngày 08/7/2021 trả 6.000.000 đồng, ngày 09/8/2021 trả 6.000.000 đồng, ngày 10/9/2021 trả 6.000.000 đồng, ngày 11/10/2021 trả 6.000.000 đồng.

Như vậy H cho anh C vay số tiền gốc là 60.000.000 đồng từ ngày 08/3/2021 đến ngày 08/10/2021, anh C trả cho H tổng số tiền lãi là 42.000.000 đồng (*H thu tiền lãi của 210 ngày, tương đương lãi suất 120%/năm, gấp 06 lần lãi suất theo quy định*), trong đó tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự là 6.904.110 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 35.095.890 đồng. Đến ngày 26/10/2021 Cơ quan điều tra phát hiện; số tiền lãi từ ngày 08/10/2021 đến ngày 26/10/2021 theo thỏa thuận anh C phải trả cho H là 3.599.640 đồng (tiền lãi của 18 ngày, *tương đương lãi suất 120%/năm, gấp 06 lần lãi suất theo quy định*, trong đó số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự là 591.735 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 3.007.905 đồng) anh C chưa trả cho H. Toàn bộ số tiền lãi 42.000.000 đồng H đã chi tiêu cá nhân hết. Đối với gốc 60.000.000 đồng anh C chưa trả H.

Lần 2: Ngày 22/4/2021, H cho C vay số tiền 75.000.000 đồng, không viết giấy vay tiền, chỉ thỏa thuận lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày.

Sau khi vay tiền, anh C 05 lần trả lãi cho H, cụ thể: Vào các ngày 25/5/2021, ngày 24/6/2021, ngày 26/7/2021, ngày 26/8/2021 và ngày 19/9/2021, anh C trả cho H mỗi lần 6.750.000 đồng.

Như vậy, H cho anh C vay số tiền gốc là 75.000.000 đồng từ ngày 22/4/2021 đến ngày 22/9/2021, anh C trả cho H tổng số tiền lãi là 33.750.000

đồng (*H thu tiền lãi của 150 ngày, tương đương lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,475 lần lãi suất theo quy định*), trong đó tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự là 6.164.384 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 27.585.616 đồng. Đến ngày 26/10/2021 Cơ quan điều tra phát hiện; số tiền lãi từ ngày 23/9/2021 đến ngày 26/10/2021 theo thỏa thuận anh C phải trả cho H là 7.425.000 đồng (*tiền lãi của 33 ngày, tương đương lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,475 lần lãi suất theo quy định*, trong đó số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự là 1.356.053 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 6.068.974 đồng) anh C chưa trả cho H. Toàn bộ số tiền lãi 33.750.000 đồng H đã chi tiêu cá nhân hết. Đối với gốc 75.000.000 đồng anh C chưa trả H.

Vật chứng: Ngày 26/10/2021 Cơ quan điều tra tạm giữ của Nguyễn Quang H 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu xanh, đã qua sử dụng và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone Xs Max màu vàng hồng, đã qua sử dụng. Ngày 28/10/2021 tạm giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno5, màu đen, đã qua sử dụng do bà Nguyễn Thị H giao nộp.

Quá trình khám xét tại nhà của Nguyễn Quang H, Cơ quan điều tra đã tạm giữ:

- 01 (một) tờ giấy vay tiền đề tên vay Nông Minh H.
- 01 (một) tờ giấy vay tiền đề tên vay Lê Duy T
- 01 (một) tờ giấy vay tiền đề tên vay Bàn Thị L
- 01 (một) tờ giấy vay tiền đề tên vay Nguyễn Duy H
- 01 (một) tờ giấy vay tiền đề tên vay Bé Thị C
- 01 (một) tờ giấy vay tiền đề tên vay Trần Thành V
- 02 (hai) tờ giấy vay tiền đề tên vay Nguyễn Thị H
- 01 (một) tờ giấy vay tiền đề tên vay Lâm Văn L.
- 01 (một) tờ giấy vay tiền đề tên vay Nguyễn Thị H.
- 02 (hai) tờ giấy vay tiền đề tên vay Trần Trần N
- 01 (một) tờ giấy vay tiền đề tên vay Đào Hữu N.
- 01 (một) tờ giấy vay tiền đề tên vay Vũ Quang H.
- 01 (một) tờ giấy vay tiền đề tên vay Trần Ánh T.
- 01 (một) tờ giấy vay tiền đề tên vay Nguyễn Kim D
- 01 (một) sổ hộ khẩu gia đình của Nguyễn Thị O (bản phô tô)
- 01 (một) Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Trần N (bản phô tô).

01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số CT79416 mang tên Bùi Tiến D (bản gốc).

Ngày 03/12/2021, Cơ quan điều tra trả lại cho bị can Nguyễn Quang H: 01 (một) giấy vay tiền đề tên người vay Trần Ánh T vay Nguyễn Quang H số tiền 3.000.000 đồng; 01 (một) giấy vay tiền đề tên người vay Nguyễn Kim D vay Nguyễn Quang H số tiền 10.000.000 đồng; 01 (một) giấy vay tiền đề tên

người vay Trần Thành V vay của Nguyễn Quang H số tiền là 7.000.000 đồng; Ngày 28/12/2021 trả Bùi Tiến D 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CT77946 mang tên Bùi Tiến D (bản gốc).

Dân sự: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H yêu cầu Nguyễn Quang H phải trả lại số tiền lãi H thu lợi bất chính là 44.290.000 đồng. Bà Trần Ánh T, anh Nguyễn Trần N, anh Chu Quang C không yêu cầu phải trả lại số tiền thu lợi bất chính..

Đối với số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng, hiện bà Nguyễn Thị H chưa trả cho H; Đối với số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng, hiện bà Trần Ánh T chưa trả cho H; Đối với số tiền nợ gốc 135.000.000 đồng, hiện anh Chu Quang C chưa trả cho H

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Quang H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, hành vi phạm tội của bị can còn được chứng minh bằng: Biên bản khám xét, biên bản mở niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ (bút lục 35 đến 59), biên bản kiểm tra điện thoại của bà Nguyễn Thị H (bút lục 61, 62), sao kê chi tiết giao dịch tài khoản ngân hàng của Nguyễn Quang H (bút lục 96 đến 129), sao kê chi tiết giao dịch ngân hàng của bà Nguyễn Thị H (bút lục 131 đến 133), sao kê chi tiết giao dịch tài khoản ngân hàng tài khoản của anh Chu Quang C (bút lục 135 đến 171), lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 19/CT-VKSTP ngày 25/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân nhân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Nguyễn Quang H về tội: “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và điều luật đã nêu trong cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang H phạm tội: “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”; Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H từ 07 (bảy) tháng tù đến 10 (mười) tháng, kể từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

- Tuyên nghĩa vụ chịu án phí của bị cáo và tuyên quyền kháng cáo của bị cáo, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo không kêu oan, nội dung khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những

người liên quan, không có tình tiết mới, bị cáo không có khiếu nại gì về kết luận điều tra, nhất trí với nội dung cáo trạng và luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, bị cáo không có ý kiến gì về nội dung khai của người liên quan tại phiên tòa và lời khai của những người liên quan vắng mặt tại phiên tòa (được HĐXX công bố tại phiên tòa), không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến đề bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

Bị cáo khai nhận bị cáo bị Cơ điều tra thu giữ nhiều giấy vay tiền như đã nêu trong cáo trạng, 02 điện thoại trong đó có 01 điện thoại Iphone và 01 điện thoại Nokia đen trắng, điện thoại Iphone bị cáo sử dụng liên lạc hàng ngày còn riêng điện thoại Nokia bị cáo sử dụng trong các giao dịch cho vay lãi nặng. Bị cáo đề nghị HĐXX tuyên trả cho bị cáo 01 điện thoại Iphone và các giấy vay tiền gồm: 01(một) tờ giấy vay tiền đề tên vay Nông Minh H; 01 (một) tờ giấy vay tiền đề tên vay Lê Duy T; 01 (một) tờ giấy vay tiền đề tên vay Bàn Thị L; 01 (một) tờ giấy vay tiền đề tên vay Nguyễn Duy H; 01 (một) tờ giấy vay tiền đề tên vay Bé Thị C; 02 (hai) tờ giấy vay tiền đề tên vay Nguyễn Thị H; 01 (một) tờ giấy vay tiền đề tên vay Lâm Văn L; 01 (một) tờ giấy vay tiền đề tên vay Nguyễn Thị H; 02 (hai) tờ giấy vay tiền đề tên vay Trần Trần N; 01 (một) tờ giấy vay tiền đề tên vay Đào Hữu N; 01 (một) tờ giấy vay tiền đề tên vay Vũ Quang H; 01 (một) sổ hộ khẩu gia đình của Nguyễn Thị O (bản phô tô); 01(một) Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Trần N (bản phô tô).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị H yêu cầu Nguyễn Quang H phải trả lại số tiền lãi H thu lợi bất chính là 44.290.000 đồng, đồng thời bà H xác nhận khoản tiền gốc bà H vay của bị cáo H là 40.000.000 đồng, bà H chưa trả, đề nghị HĐXX xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng, xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố

tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và năng lực chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản khám xét, biên bản kiểm tra điện thoại của bà Nguyễn Thị H, chi tiết sao kê của Ngân hàng, lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 19/01/2019 đến ngày 22/4/2021, tại nhà Nguyễn Quang H, trú tại tổ dân phố 15, phường P, thành phố T, H có hành vi cho người khác vay tiền với lãi suất 3.000 đồng đến 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, tương đương mức lãi suất 109,5% năm đến 182,5%/năm, cao gấp 5,457 lần đến 9,125 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (mức lãi suất cao nhất quy định trong bộ luật dân sự là 20%/năm), cụ thể:

Từ ngày 19/01/2019 đến ngày 22/4/2021, tại nhà của Nguyễn Quang H, trú tại Tổ dân phố 15, phường P, thành phố T, H có hành vi cho người khác vay tiền với lãi suất 3.000 đồng đến 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, tương đương mức lãi suất 109,5%/năm đến 182,5%/năm, cao gấp 5,457 lần đến 9,125 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (*Mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 20%/năm*), cụ thể:

Từ ngày 19/11/2019 đến ngày 19/6/2020, H cho anh Nguyễn Trần N, trú tại Tổ dân phố 3, phường Minh X, thành phố T vay 10.000.000 đồng. Anh N trả cho H số tiền lãi là 6.300.000 đồng/210 ngày vay, trong đó số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự là 1.150.685 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 5.149.315 đồng.

Từ ngày 24/9/2020 đến ngày 24/10/2021, H tiếp tục cho anh N vay số tiền 6.000.000 đồng. Anh N trả cho H số tiền lãi là 11.700.000 đồng/390 ngày vay, trong đó số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự là 1.282.192 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 10.417.808 đồng.

Từ ngày 13/02/2020 đến ngày 13/6/2021, H cho bà Nguyễn Thị H, HKTT: xóm Bình Sơn, xã B, Hện Đ, tỉnh Thái Nguyên, tạm trú: Tổ dân phố 6, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vay số tiền 40.000.000 đồng. Bà H trả cho H số tiền lãi là 53.500.000 đồng/420 ngày vay, trong đó số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự là 9.205.479 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 44.294.521 đồng. Đến ngày 26/10/2021 Cơ quan điều tra phát hiện; số tiền lãi từ ngày 13/6/2021 đến ngày 26/10/2021 theo thỏa thuận bà H phải trả cho H là 17.731.560 đồng (tiền lãi của 133 ngày, *tương đương lãi suất 120%/năm, gấp 06 lần lãi suất theo quy định*, trong đó số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự là 2.914.830 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 14.816.730 đồng) bà H chưa trả cho H. Toàn bộ số tiền lãi

53.500.000 đồng H đã chi tiêu cá nhân hết. Đối với gốc 40.000.000 đồng bà H chưa trả H.

Từ ngày 03/3/2021 đến ngày 23/9/2021 (tính lãi đến ngày 03/9/2021), H cho bà Trần Ánh T, trú tại xóm 8, xã T, Hện Y, tỉnh Tuyên Quang vay số tiền 10.000.000 đồng. H bắt đầu tính lãi từ ngày 03/4/2021. Bà T trả cho H số tiền lãi là 7.500.000 đồng/150 ngày vay, trong đó số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự là 821.918 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 6.678.082 đồng. Đến ngày 26/10/2021 Cơ quan điều tra phát hiện; số tiền lãi từ ngày 04/9/2021 đến ngày 26/10/2021 theo thỏa thuận bà T phải trả cho H là 2.600.000 đồng (tiền lãi của 52 ngày, *tương đương lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định*, trong đó số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự là 284.910 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.315.090 đồng) bà T chưa trả cho H. Toàn bộ số tiền lãi 7.500.000 đồng H đã chi tiêu cá nhân hết. Đối với gốc 10.000.000 đồng bà chưa trả H.

Từ ngày 08/3/2021 đến ngày 08/10/2021, H cho anh Chu Quang C, trú tại tổ dân phố 10, phường Minh X, thành phố T vay 60.000.000 đồng. Anh C trả cho H số tiền lãi là 42.000.000 đồng/210 ngày vay, trong đó số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự là 6.904.110 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 35.095.890 đồng. Đến ngày 26/10/2021 Cơ quan điều tra phát hiện; số tiền lãi từ ngày 08/10/2021 đến ngày 26/10/2021 theo thỏa thuận anh C phải trả cho H là 3.599.640 đồng (tiền lãi của 18 ngày, *tương đương lãi suất 120%/năm, gấp 06 lần lãi suất theo quy định*, trong đó số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự là 591.735 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 3.007.905 đồng) anh C chưa trả cho H. Toàn bộ số tiền lãi 42.000.000 đồng H đã chi tiêu cá nhân hết. Đối với gốc 60.000.000 đồng anh Cháu chưa trả H.

Từ ngày 22/4/2021 đến ngày 22/9/2021, H cho anh C vay số tiền 75.000.000 đồng. Anh C trả cho H số tiền lãi là 33.750.000 đồng/150 ngày vay, trong đó số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự là 6.164.384 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 27.585.616 đồng. Đến ngày 26/10/2021 Cơ quan điều tra phát hiện; số tiền lãi từ ngày 23/9/2021 đến ngày 26/10/2021 theo thỏa thuận anh C phải trả cho H là 7.425.000 đồng (tiền lãi của 33 ngày, *tương đương lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,475 lần lãi suất theo quy định*, trong đó số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự là 1.356.053 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 6.068.947 đồng) anh C chưa trả cho H. Toàn bộ số tiền lãi 33.750.000 đồng H đã chi tiêu cá nhân hết. Đối với gốc 75.000.000 đồng anh C chưa trả H.

Tổng số tiền lãi tính đến ngày cơ quan điều tra phát hiện là 183.909.502 đồng, trong đó số tiền lãi H thu được là 154.750.000 đồng, trong đó:

Số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự là 25.528.767 đồng (*Hai mươi lăm triệu năm trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng*), số tiền H thu lợi bất chính và được hưởng lợi là

158.380.735 đồng (một trăm năm tám triệu, ba trăm tám mươi nghìn, bảy trăm ba năm nghìn).

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo đã cho người khác vay tiền với lãi suất 3.000 đồng đến 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, tương đương mức lãi suất 109,5% năm đến 182,5%/năm, cao gấp 5,457 lần đến 9,125 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (mức lãi xuất cao nhất quy định trong bộ luật dân sự là 20%/năm), hành vi của bị cáo cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo Nguyễn Quang H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự và là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Bị cáo có sức khỏe, có khả năng lao động nhưng không chịu kiểm tiền chân chính mà lại lợi dụng khó khăn về tài chính của người khác để thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến quyền lợi của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, bị cáo 05 lần thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*phạm tội hai lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về quyết định hình phạt: HĐXX nhận thấy, bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần vi phạm pháp luật đã bị xử lý, trong đó 03 lần bị Tòa án xử phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản”, 01 lần bị xử lý hành chính về hành vi gây mất trật tự tại Trụ sở UBND nhưng không rút kinh nghiệm mà còn tiếp tục phạm tội, qua đó đánh giá ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo còn rất kém. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, khó có thể tự mình tu dưỡng cải tạo tại địa phương. Do vậy, cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo; số tiền bị cáo chiếm đoạt cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 32, khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T là phù hợp cần chấp nhận.

Đối với một số cá nhân liên quan đến việc vay tiền gồm: Đào Hữu N, trú tại tổ dân phố 10, phường Minh X, thành phố T; Nông Minh H, trú tại xóm 19, xã Lang Quán, Hện Y, tỉnh Tuyên Quang; Lê Duy T, trú tại xóm 17, xã T, Hện Y, tỉnh Tuyên Quang; Nguyễn Thị H, trú tại An Hoàn 3, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Đoàn Thị Liên, trú tại xóm 19, xã Lang Quán, Hện Y, tỉnh Tuyên Quang; Đỗ Thị Huệ, trú tại tổ 13, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Lâm Văn L, trú tại xóm 18, xã Kim Phú, thành phố T; Vũ Quang H, trú tại xóm 5, xã Tràng Đà, thành phố T. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định những người này đều vắng mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra chưa làm việc được với những người này nên không đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Quang H cho cá cá nhân trên vay bao nhiêu tiền, lãi suất, số tiền lãi và số tiền thu lợi bất chính là bao nhiêu.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H yêu cầu bị cáo Nguyễn Quang H phải trả lại số tiền lãi H thu lợi bất chính là 44.290.000 đồng. Căn cứ quy định tại Điều 47 của Bộ luật hình sự, HĐXX xét thấy yêu cầu của bà Nguyễn Thị H là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Đối với số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ bà Trần Ánh T, anh Nguyễn Trần N và anh Chu Quang C thì bị cáo phải trả cho bà Trần Ánh T, anh Nguyễn Trần N và anh Chu Quang C theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên tại Cơ quan điều tra bà Trần Ánh T, anh Nguyễn Trần N, anh Chu Quang C không yêu cầu bị cáo trả lại, tại phiên tòa bà T, anh N, anh C có đơn xin xét xử vắng mặt, nội dung đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Cơ quan điều tra, bị cáo nhất trí với ý kiến của bà T, anh N và anh C. Do vậy, HĐXX không xem xét nghĩa vụ trả tiền thu lợi bất chính của bị cáo đối với bà T, anh N và anh C trong vụ án này.

[8] Vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS; Điều 5 Nghị Quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

- Trả lại bà Nguyễn Thị H 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno5, màu đen, kiểu máy CPH2159; Số IMEI1: 865545058585934; Số

IMEI 2: 865545058585925; Số seri: 8a2211c97 (*không có sim điện thoại*) đã qua sử dụng,

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu xanh đã qua sử dụng, số xê-ri: 351672055444401; bên trong có cài 01 SIM thuê bao di động Vinaphone, số seri SIM: 89840200010729960625, số thuê bao: 0818640000 thu giữ của bị cáo (sử dụng vào việc phạm tội).

- Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple iPhone màu vàng hồng, kiểu máy: Xs Max đã qua sử dụng, số máy: MT5X2LL/A, số sê-ri: FFMXRLTSKPHF, bên trong có cài 01 SIM thuê bao di động Viettel, số seri SIM: 8984048008818570560, số thuê bao: 0983469185 (không sử dụng vào việc phạm tội).

- Trả lại cho bị cáo: 01 (một) giấy vay tiền đề tên người vay Nông Minh H; 01 (một) giấy vay tiền đề tên người vay Lê Duy T (bản gốc); 01 (một) giấy vay tiền đề tên người vay Đoàn Thị Liên (bản gốc); 01 (một) giấy vay tiền đề tên người vay Nguyễn H Tuấn (bản gốc); 01 (một) giấy vay tiền đề tên người vay Bé Thị C (bản gốc); 01 (một) giấy vay tiền đề tên người vay Trần Thành Văn (bản phô tô); 02 (hai) giấy vay tiền đề tên người vay Nguyễn Thị H (bản gốc); 01 (một) giấy vay tiền đề tên người vay Lâm Văn L (bản gốc); đề tên người vay Vũ Quang H (bản gốc), toàn bộ giấy tờ này trong hồ sơ vụ án.

- Tuy thu thu sung vào ngân sách nhà nước:

+ Số tiền gốc 201.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Quang H dùng vào việc phạm tội. Trong đó: Đối với số tiền gốc 16.000.000 đồng H cho anh Nguyễn Trần N vay, anh N đã trả cho H nên truy thu của bị cáo H; Đối với số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng, hiện bà Nguyễn Thị H chưa trả cho H; đối với số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng, hiện bà Trần Ánh T chưa trả cho H; đối với số tiền nợ gốc 135.000.000 đồng, hiện anh Chu Quang C chưa trả cho H nên truy thu của bà H, bà T và anh C tương ứng số tiền đã vay chưa trả cho H.

+ Truy thu của bị cáo Nguyễn Quang H để sung vào ngân sách nhà nước số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự là 25.528.767 đồng (*Hai mươi lăm triệu năm trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng*).

[9] Án phí của vụ án: Bị cáo Nguyễn Quang H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51, đoạn g khoản 1 Điều 52 (phạm tội 02 lần trở lên), Điều 38 Nguyễn Quang H phạm tội: “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H **08 (tám) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự: Phạt tiền 40.000.000 đồng (*bốn mươi triệu đồng*)

2. Vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại bà Nguyễn Thị H 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno5, màu đen, kiểu máy CPH2159; Số IMEI1: 865545058585934; Số IMEI 2: 865545058585925; Số seri: 8a2211c97 (*không có sim điện thoại*) đã qua sử dụng,

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu xanh đã qua sử dụng, số xê-ri: 351672055444401; bên trong có cài 01 SIM thuê bao di động Vinaphone, số seri SIM: 89840200010729960625, số thuê bao: 0818640000 thu giữ của bị cáo (sử dụng vào việc phạm tội).

- Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple iPhone màu vàng hồng, kiểu máy: Xs Max đã qua sử dụng, số máy: MT5X2LL/A, số sê-ri: FFMXRLTSKPHF, bên trong có cài 01 SIM thuê bao di động Viettel, số seri SIM: 8984048008818570560, số thuê bao: 0983469185 (không sử dụng vào việc phạm tội).

- Trả lại cho bị cáo: Trả lại cho bị cáo: 01 (một) giấy vay tiền đề tên người vay Nông Minh H; 01 (một) giấy vay tiền đề tên người vay Lê Duy T (bản gốc); 01 (một) giấy vay tiền đề tên người vay Đoàn Thị Liên (bản gốc); 01 (một) giấy vay tiền đề tên người vay Nguyễn H Tuấn (bản gốc); 01 (một) giấy vay tiền đề tên người vay Bé Thị C (bản gốc); 01 (một) giấy vay tiền đề tên người vay Trần Thành Văn (bản phô tô); 02 (hai) giấy vay tiền đề tên người vay Nguyễn Thị H (bản gốc); 01 (một) giấy vay tiền đề tên người vay Lâm Văn L (bản gốc); đề tên người vay Vũ Quang H (bản gốc); Toàn bộ giấy vay tiền này trong hồ sơ vụ án, có đóng dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an thành phố T tại góc trên bên phải của giấy vay tiền và dấu hình chữ nhật màu đỏ của VKSND thành phố T tại góc dưới bên phải giấy vay tiền.

- Truy thu thu sung vào ngân sách nhà nước: Số tiền gốc 201.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Quang H dùng vào việc phạm tội và số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự là 25.528.767 đồng (*Hai mươi lăm triệu năm trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng*), tổng cộng là 226.528.767 đồng.

Trong đó: Bị cáo H phải nộp 41.528.767 đồng; chị Nguyễn Thị H phải nộp 40.000.000 đồng, chị Trần Ánh T phải nộp 10.000.000 đồng, anh Chu Quang C phải nộp 135.000.000 đồng.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố T và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T ngày 14/02/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Nguyễn Quang H phải trả lại chị Nguyễn Thị H số tiền lãi H thu lợi bất chính là 44.290.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Quang H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Quang H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – chị Nguyễn Thị H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án 26/4/2022, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Trần Ánh T, anh Nguyễn Trần N và anh Chu Quang C, vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

" Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự" ./.

(Bị cáo được kháng cáo toàn bộ nội dung vụ án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình)

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vương Minh Tân – Lê Thị Thảo

Vương Thị Lan